

**Dòng máy siết bu lông dùng pin**



**TW009G / TW010G**

**3,150 N·m**

**Cốt phe gài  
1" (25.4mm)**

**M27 - 45  
M20 - 33**

**TW009G**  
Loại đe ngắn



**TW010G**  
Loại đe dài



**TW001G**

**1,800 N·m**

**Cốt phe gài  
3/4" (19mm)**

**M12 - 36  
M10 - 27**



**TW007G**

**760 N·m**

**Cốt phe gài  
1/2" (12.7mm)**

**M10 - 24  
M10 - 16**



Vòng chữ C

**TW004G**

**350 N·m**

**Cốt phe gài  
1/2" (12.7mm)**

**M10 - 20  
M10 - 16**



Vòng chữ C

**Phụ kiện**

**Đầu tuýp**  
với vòng chữ O và chốt



**Đầu tuýp dài**  
với vòng chữ O và chốt



**Vòng chữ O**  
E-22436



**Chốt**  
E-22442



Kích thước (mm)	Mã số	Kích thước (mm)	Mã số
27 x 60	E-24511	42 x 68	E-24608
30 x 62	E-24527	44 x 70	E-24614
32 x 63	E-24533	46 x 72	E-24620
33 x 63	E-24549	50 x 76	E-24636
34 x 63	E-24555	55 x 84	E-24642
36 x 66	E-24561	60 x 88	E-24658
38 x 66	E-24577	65 x 92	E-24664
40 x 66	E-24583	70 x 96	E-24670
41 x 68	E-24599		

Kích thước (mm)	Mã số	Kích thước (mm)	Mã số
27 x 90	E-24686	44 x 90	E-24767
30 x 90	E-24692	46 x 90	E-24773
32 x 90	E-24701	50 x 100	E-24789
33 x 90	E-24717	55 x 108	E-24795
34 x 90	E-24723	60 x 108	E-24804
36 x 90	E-24739	65 x 120	E-24810
38 x 90	E-24745		
40 x 90	E-24751		
41 x 90	E-22420		

**Thời gian sạc**

	Sạc nhanh DC40RA	Sạc tiêu chuẩn DC40RC
<b>BL4040 4.0Ah</b>	<b>45 phút</b>	<b>67 phút</b>
<b>*1 BL4050F 5.0Ah</b>	<b>50 phút</b>	<b>85 phút</b>
<b>*1 BL4080F 8.0Ah</b>	<b>76 phút</b>	<b>170 phút</b>

\*1 Pin được đề xuất

<b>Máy Siết Bu Lông Dùng Pin</b>		
<b>TW009GT201 / TW009GZ / TW010GT201 / TW010GZ 1" (25.4 mm)</b>		
Nhiều tốc độ	Cốt	25.4 mm (1")
Hãm bằng điện	Chiều dài đe	TW009G: - / TW010G: 163 mm (6-3/8")
Kiểu đảo chiều quay	Lực siết tối đa	3,150 N·m (2,323 ft.lbs.)
4 tốc độ điện tử	Lực tháo ốc	4,000 N·m (2,950 ft.lbs.)
Có đèn	Khả năng siết	Ốc tiêu chuẩn: M27 - M45 (1-1/8" - 1-7/8") Ốc đàn hồi cao: M20 - M33 (3/4" - 1-3/8")
Chống khởi động lại	Tốc độ không tải	Tối đa / Cứng / Vừa / Mềm: 0 - 1,200 / 0 - 850 / 0 - 700 / 0 - 600 v/p
Hộp đựng đồ	Tốc độ đập (IPM)	Tối đa / Cứng / Vừa / Mềm: 0 - 1,750 / 0 - 1,500 / 0 - 1,300 / 0 - 1,200
	Độ ồn áp suất*	TW009G: 101 dB(A) / TW010G: 103 dB(A)
	Độ ồn động cơ*	TW009G: 109 dB(A) / TW010G: 111 dB(A)
	Độ ồn K*	3 dB(A)
	Độ rung*	Siết bu lông bằng lực và đập với công suất tối đa của máy: TW009G: 37.5 m/s <sup>2</sup> / TW010G: 33.4 m/s <sup>2</sup>
	Độ rung K*	Siết bu lông bằng lực và đập với công suất tối đa của máy: 1.6 m/s <sup>2</sup>
	Kích thước(L x W x H)	TW009G: Với pin BL4050F: 435 x 135 x 297 mm TW010G: Với pin BL4050F: 570 x 135 x 297 mm
	Trọng lượng	TW009G: 11.9 kg (BL4080F) TW010G: 12.9 kg (BL4080F)
		<b>TW009GT201 / TW010GT201:</b> 2 pin 5.0Ah BL4050F (191L47-8), sạc nhanh DC40RA.
		<b>TW009GZ / TW010GZ:</b> Máy không kèm pin, sạc.
		Phụ kiện kèm theo: Tay cầm bên (122G63-9).

Trọng lượng có thể khác nhau tùy thuộc vào phụ kiện đi kèm, bao gồm cả bộ pin. Sự kết hợp nhẹ nhất và nặng nhất, tùy theo tiêu chuẩn EPTA 01/2014, được hiển thị trong bảng. Các phụ kiện kèm theo và thông số kỹ thuật có thể thay đổi theo quốc gia hoặc khu vực. A3-022026-1

**CÔNG TY TNHH MAKITA VIỆT NAM**

Kho 45-6, Block 16, 18L1-2, Đường số 3, KCN VSIP II, P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 0274 362 8338 - Fax: 0274 362 8339 - Website: www.makita.com.vn

CHI NHÁNH CTY TNHH MAKITA VN TẠI MIỀN BẮC  
Khu S, Số 1, Đường 6, KCN - BT - DV VSIP, P. Tu Sơn, Bắc Ninh  
ĐT: 0222 376 5942

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG  
Số 40, Đường Chi Lăng, P. Hi Châu, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 0236 382 5079 / 0236 382 5179

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
CHI NHÁNH CẦN THƠ  
366 Võ Văn Kiệt, Khu Vực 5, P. Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
ĐT: 0292 389 4358

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
CHI NHÁNH NHÀ TRANG  
Lũ 38-39 Đường 85, Khu đô thị Vĩnh Diêm Trung, P. Tây Nha Trang, Khánh Hòa  
ĐT: 0258 2159 4556

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH  
Số 12, Trại Văn Cấn, P. Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 0283 821 5191

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
CHI NHÁNH HÀ NỘI  
Tổ 15 và Số 4 Ngõ 63 Trường Chinh, P. Phương Liệt, TP. Hà Nội  
ĐT: 0243 202 2585

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG  
Số 13, Lê Túc 13 Thái Lũ, P. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  
ĐT: 0225 883 1529



**Cốt phe gài  
1" (25.4 mm)**

**Lực siết tối đa  
3,150 N·m**

sau khi siết 6 giây, khi siết ốc

**Lực tháo ốc  
4,000 N·m**

trong vòng 3 giây, khi tháo ốc

Hình ảnh: TW009G



Hình ảnh: TW010G

**TW009G**  
Loại đe ngắn



**TW010G**  
Loại đe dài



Cung cấp mô-men xoắn mạnh mẽ tương đương các máy khí nén



**BL MOTOR** Công suất cao Động cơ không chổi than

## ĐỂ SIẾT CHẶT BU LÔNG ĐƯỜNG KÍNH LỚN

Cốt phe gài 1" (25.4 mm)

Lực siết tối đa 3,150 N·m sau khi siết 6 giây, khi siết ốc

Lực tháo ốc 4,000 N·m trong vòng 3 giây, khi tháo ốc

Hệ thống tự dừng có sẵn ở cả chế độ quay thuận và quay nghịch  
TW009G (Loại đe ngắn)  
Dùng cho bảo trì thiết bị hạng nặng - tháo lắp đối trọng

Đèn LED chiếu sáng Giảm bóng của ổ cắm trên vật liệu, giúp quan sát vật liệu tốt hơn.



Lắp đặt tay cầm bên hông không cần dụng cụ Tay cầm bên có thể lắp 360° mà không cần dụng cụ và góc của phần tay cầm có thể điều chỉnh qua lại, phù hợp với nhiều hoạt động khác nhau.

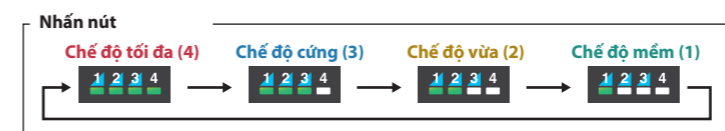


Chế độ tự động dừng siết và tháo ốc Có 3 chế độ thời gian phản ứng để dừng tự động ở cả chế độ siết và tháo ốc.

	Siết	Tháo ốc
<b>Chế độ 1</b>	Ở mức lực siết 2, máy sẽ tự động dừng lại ngay khi phát hiện cú va đập đầu tiên.	Ở mức công suất siết 4, máy sẽ tự động dừng lại ngay khi dừng siết.
<b>Chế độ 2</b>	Ở mức lực siết 3, máy sẽ tự động dừng lại khoảng 0,5 giây sau khi phát hiện cú va đập đầu tiên.	Ở mức công suất siết 4, máy sẽ tự động dừng lại khoảng 0,2 giây sau khi dừng siết.
<b>Chế độ 3</b>	Ở mức lực siết 4, máy sẽ tự động dừng lại khoảng 1,0 giây sau khi phát hiện cú va đập đầu tiên.	Ở mức công suất siết 4, máy sẽ tự động chậm lại sau khi dừng siết.

Đối với chế độ quay ngược (để tháo ốc), thời gian phản ứng được đặt ở công suất siết tối đa 4, đây là công suất tối đa vì không cần điều chỉnh công suất siết cho chế độ này.

4 cấp độ điện tử lựa chọn lực siết Ở cả chế độ siết và tháo ốc, lực siết tối đa (4) / cứng (3) / vừa (2) / mềm (1) có thể được lựa chọn để phù hợp với vật liệu hoặc loại bu lông chỉ bằng cách nhấn nút.



Chế độ	Chế độ tối đa (4)	Chế độ cứng (3)	Chế độ vừa (2)	Chế độ mềm (1)
Lực siết (N·m)*1	2,850	1,600	1,000	600
Tốc độ không tải (v/p)	0-1,200	0-850	0-700	0-600
Tốc độ đập (l/p)	0-1,750	0-1,500	0-1,300	0-1,200

\*1 3 giây sau khi lắp, khi siết chặt



Móc treo dụng cụ (Vòng) cho phép treo máy trên ống, móc, v.v.

TW010G (Loại đe dài)  
Dùng để tháo và lắp bánh xe tải

**XPT**  
(Công nghệ bảo vệ vượt trội)



Nhỏ gọn

435 mm\*  
TW009G



TW010G: 570 mm\*  
\*Tổng chiều dài, với pin BL4050F

**Nút chế độ tốc độ đầy đủ (Tốc độ thay đổi / Tốc độ tối đa)**

- Đạt tốc độ tối đa với lực bóp cò ít hơn, giảm mệt mỏi khi vận hành liên tục.
- Có thể chọn chế độ tốc độ thay đổi hoặc chế độ tốc độ tối đa tùy theo ứng dụng.

**Bảng chuyển đổi**

**Công tắc đèn LED chiếu sáng vòng** Với chức năng sáng trước tắt sau

**Đèn chế độ tốc độ tối đa**

Tốc độ thay đổi / Tốc độ tối đa

Tốc độ quay

Công tắc hành trình

Tối đa

\*hình ảnh